

Theo đồn đoán của thương nhân, Bộ Tài chính sẽ sớm ra quyết định về chính sách thuế xuất khẩu sản vào cuối tuần này

Giá xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam theo đường biên điều chỉnh giảm mạnh do đồng VND phá giá mạnh trong tuần này

NHNN Việt Nam tăng tỷ giá 1% và nới biên độ tỷ giá lên 3% nhằm đối phó với những thay đổi liên tục về tỷ giá từ Trung Quốc

7 tháng đầu năm 2015, Việt Nam xuất khẩu gần 1,7 triệu tấn sản lát và 1,3 triệu tấn tinh bột sắn, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước

## **Bản tin**

# **Thị trường**

# **Sắn và Tinh bột sắn Việt Nam**

*(Tuần 14/08/2015 – 20/08/2015)*

---

Công ty CP Phân tích và Dự báo Thị trường Việt Nam - AgroMonitor

Phòng 1604, Tòa nhà 101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 84 4 6273 3596 / DĐ: 0943 411 411

Email: [info@agromonitor.vn](mailto:info@agromonitor.vn)

[www.agromonitor.vn](http://www.agromonitor.vn)



**GIÁ CẢ**Giá sản lát nội địa và xuất khẩu

Tại cảng Cát Lái, từ đầu tháng 8 có khoảng hơn 600 tấn sản lát được xuất hàng cont đi Hàn Quốc với mức giá CNF vào khoảng 270 USD/tấn, tương đương giá FOB là 250 USD/tấn.

Tại cảng Quy Nhơn, từ 11-20/8 có 2 tàu sản lát vào lấy hàng, với tổng lượng khoảng 8.300 tấn. Sản lát của những đơn vị đi trong giai đoạn này chủ yếu là sản có sẵn trong kho nên thị trường hầu như không có giao dịch.

Tồn kho sản lát tại Quy Nhơn theo ước tính của thương nhân còn trên dưới 120.000 tấn, tập trung ở 4-5 doanh nghiệp. Còn tại khu vực Sài Gòn, tồn kho sản lát còn khoảng 40-50.000 tấn, trong đó khu vực Tây Ninh còn dưới 10 nghìn tấn, khu vực Bình Dương và Bình Phước còn khoảng 40.000 tấn.

Tin từ thương nhân cho biết, dự kiến trong tuần này Bộ Tài chính sẽ ra quyết định cuối cùng về mức thuế xuất khẩu sản lát cho năm 2015 và năm 2016.

**Giá sản lát thu mua nội địa tại Việt Nam (VND/kg)**

Tác nhân thu mua	Tuần này	Tuần trước
Tây Ninh – mì đẹp – xuất kho – hàng bao	4.950-5.000	4.950-5.000
Mì xô – các kho Quy Nhơn bán ra	5.050	5.050

Nguồn: Mạng lưới AgroMonitor

Động thái tăng tỷ giá thêm 1% và nới biên độ tỷ giá lên 3% của NHNN vào ngày 19/8 vừa qua đã tháo gỡ nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu sản lát trong bối cảnh thị trường đang khá ảm đạm. Như vậy, sau 10 ngày kể từ khi Trung Quốc điều chỉnh giảm mạnh đồng nhân dân tệ thì đồng Việt Nam cũng đã mất khoảng 2,6% giá trị so với đồng đô la Mỹ. Khoảng cách chênh lệch về tỷ giá giữa USD/CNY và USD/VND cũng được rút ngắn lại chỉ còn dưới 0,5%. Do vậy, giá xuất khẩu sản lát của Việt Nam đi Trung Quốc vẫn được đảm bảo. Hiện chào giá phổ biến của các doanh nghiệp đang để ở mức 230-232 USD/tấn FOB. Tuy nhiên, do đồng nhân dân tệ của Trung Quốc mất giá nên giá thực tế mà Trung Quốc chấp nhận được khoảng 225-228 USD/tấn FOB Việt Nam, tương đương giá quy đổi ra VND khoảng 5.050-5.100 đồng/kg.

Giá sản nguyên liệu và tinh bột sản

Tại Tây Ninh, giá mì nguyên liệu về nhà máy có xu hướng giảm nhẹ vào đầu tuần sau đó tăng trở lại vào giữa tuần do nguồn cung mì đưa về các nhà máy có xu hướng giảm, không đáp ứng đủ công suất hoạt động. Do vậy, tính đến giữa tuần này, giá mì nguyên liệu tại Tây Ninh tăng trở lại mức đạt được vào cuối tuần trước, dao động từ 2.350-2.450 đồng/kg. Có một số nguyên nhân dẫn tới lượng

mì đưa về nhà máy giã: (i) Thời tiết tại Tây Ninh từ cuối tuần trước khá đẹp, trời nắng, chỉ có mưa nhẹ vào ban đêm. Do thời tiết đẹp hơn nên với những diện tích mì trồng đất cao không bị dịch bệnh, bà con không vội nhổ mì, chờ cho củ mì to hơn. Theo ước tính, sau khoảng 1 tháng, năng suất mì tăng thêm đối với mì đất cao tại Tây Ninh được khoảng 5 tấn/ha. Như vậy, việc thu hoạch mì chậm hơn khoảng 10 ngày cho tới nửa tháng cũng giúp bà con nông dân có thêm được 2-3 tấn/ha. (ii) Mì đất thấp gần như đã thu hoạch xong nên nguồn cung mì đưa về nhà máy giã. Đối với mì Campuchia, tuần này mì đưa về cửa khẩu Chàng Riệc có xu hướng tăng khi đạt khoảng 500-600 tấn/ngày, với giá giao dịch tại cửa khẩu từ 250-330 Riel/kg. Độ bột mì Campuchia dao động từ 18-24%. Do tỷ giá Riel/VND tăng khiến cho giá mì Cam quy đổi ra VND tăng so với trước đó nên các thương lái có xu hướng hạ giá mì Cam về cửa khẩu. Tuy nhiên, do các nhà máy đang hút mì nên giá mì Cam về cửa khẩu không giảm như mong muốn của các lái mì.

Tại khu vực duyên hải miền Trung như Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế, các nhà máy tại đây dự kiến cuối tháng này hoặc đầu tháng sau đi vào hoạt động trở lại, tùy theo tình hình nguyên liệu có tại từng vùng.

Với mức giá nguyên liệu tại các vùng như trên thì giá tinh bột sản thành phẩm tại Tây Ninh hiện vào khoảng 8.800-8.900 đồng/kg; khu vực miền Trung từ 7.900-8.100 đồng/kg tùy nhà máy. Cộng thêm chi phí vận chuyển thì một số doanh nghiệp còn tinh bột sản tại Tây Ninh đang chào giá bán tại cảng khoảng 9.000-9.050 đồng/kg.

#### **Giá sản củ tươi tại một số địa phương cho sản vụ mới năm 2015 (VND/kg)**

Địa phương	Tuần này	Tuần trước
Tây Ninh – giá mì Cam tại cổng nhà máy (độ bột 30%)	2.350-2.450	2.350-2.450
Tây Ninh – giá mì nội địa tại cổng nhà máy (độ bột 30%)	2.350-2.450	2.350-2.450
Miền Trung – Tây Nguyên (độ bột 30%)	1.750-1.800	1.750-1.800

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

Do đồng VND mất giá mạnh so với USD khiến cho tỷ giá CNY/VND cũng điều chỉnh tăng so với trước nên xuất khẩu tinh bột sản của Việt Nam cũng không còn chịu nhiều áp lực. Giá xuất khẩu đường biên mậu không cần phải điều chỉnh tăng để bù lại sự chênh lệch về tỷ giá. Giá xuất khẩu bằng đường biển có khả năng điều chỉnh giảm để cạnh tranh hơn so với các đối thủ khác. Cụ thể, giá tinh bột sản xuất khẩu biên mậu qua cửa khẩu Móng Cái dao động từ 2.730-2.750 tệ/tấn cho tinh bột loại 1, 2.650-2.700 tệ/tấn cho tinh bột loại 2. Đối với tinh bột sản xuất khẩu đường biển, một số doanh nghiệp đang chủ động chào xuống còn 410-415 USD/tấn FOB, trong đó mức 410 USD/tấn phổ biến hơn nhằm giải phóng nốt tồn kho tinh bột sản vụ cũ.

**So sánh tương quan tỷ giá USD/CNY và USD/VND tại thời điểm trước và sau khi Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ**

Tỷ giá	Tại ngày 20/08	Tại ngày 10/08	Tăng/ giảm (%)
CNY/VND	3484	3501	-0,5
USD/CNY	6.39	6.21	2,9
USD/VND	22350	21780	2,6

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

**Chào giá tinh bột sản xuất khẩu của Việt Nam**

Hình thức	Tuần này	Tuần trước
Theo đường biển (FOB Hồ Chí Minh- USD/tấn)	410-415	430-435
Theo đường biên mậu (DAF Móng Cái/Lạng Sơn - tệt/tấn)	2.630-2.720	2.630-2.720

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

Giá sản lát và tinh bột sản xuất khẩu của Thái Lan

Tuần này, Hiệp hội tinh bột sắn Thái Lan điều chỉnh giảm giá xuất khẩu tinh bột của nước này 5 USD/tấn, còn 450 USD/tấn do giá tinh bột nội địa giảm 0,1 Bath/kg còn 14,5 Bath/kg và đồng Bath mất giá mạnh so với đô la Mỹ. Trong khi đó, Hiệp hội thương mại sắn Thái Lan vẫn giữ giá xuất khẩu tinh bột sắn ở mức 445-450 USD/tấn FOB và sản lát ở mức 218-230 USD/tấn FOB.

**Diễn biến giá tinh bột sắn nội địa và xuất khẩu của Thái Lan trong năm 2014-2015 (USD/tấn)**

Ngày	Giá tinh bột nội địa (Bath/kg)	Giá tinh bột xuất khẩu (USD/tấn)
12/08/14	13.0	425.0
19/08/14	13.0	425.0
26/08/14	13.2	435.0
02/09/14	13.4	440.0

09/09/14	13.4	440.0
16/09/14	13.4	440.0
23/09/14	13.4	440.0
30/09/14	13.4	440.0
07/10/14	13.5	440.0
14/10/14	13.5	445.0
21/10/14	13.5	445.0
27/10/14	13.5	445.0
04/11/14	13.5	445.0
11/11/14	13.5	445.0
18/11/14	13.5	445.0
25/11/14	13.3	430.0
02/12/14	13.3	430.0
09/12/14	13.3	430.0
16/12/14	13.3	430.0
23/12/14	13.2	420.0
30/12/14	13.2	420.0
06/01/15	13.1	415.0
13/01/15	13.1	415.0
20/01/15	13.1	415.0
27/01/15	13.0	415.0

03/02/15	13.0	415.0
10/02/15	13.0	415.0
03/03/15	13.2	425.0
10/03/15	13.2	425.0
17/03/15	13.2	425.0
24/03/15	13.2	425.0
31/03/15	13.2	425.0
07/04/15	13.5	435.0
21/04/15	13.7	440.0
28/04/15	14.0	450.0
11/05/15	14.0	450.0
18/05/15	14.1	450.0
25/05/15	14.1	450.0
02/06/15	14.1	450.0
09/06/15	14.1	450.0
16/06/15	14.1	440.0
30/06/15	14.1	440.0
06/07/15	14.2	440.0
13/07/15	14.3	445.0
20/07/15	14.4	450.0
27/07/15	14.5	455.0

05/08/15	14.6	455.0
12/08/15	14.6	455.0
19/08/15	14.5	450.0

Nguồn: Hiệp hội tinh bột sắn Thái

**Giá sắn lát và tinh bột sắn xuất FOB theo báo giá của Hiệp hội thương mại sắn Thái Lan (USD/tấn, FOB Băng Cốc)**

	Tuần này	Tuần trước	Tháng trước	Tăng/giảm so tuần trước (%)	Tăng/giảm so tháng trước (%)
Sắn lát	215	215	207	0	3.9
Tinh bột sắn	450	455	435	-1.1	3.0

Nguồn: TTTA

Giá cò và sắn tại thị trường Trung Quốc

Giá cò từ sắn tại miền Tây Trung Quốc tăng trở lại vào tuần này khi các nhà máy duy trì sản lượng ở mức thấp trong khi giá cò nhập khẩu tăng do Trung Quốc phá giá mạnh đồng nhân dân tệ. Tuy nhiên, mức tăng của giá cò vẫn khá hạn chế. Có cùng xu hướng, giá cò từ mật ri tại Trung Quốc tuần này tăng khá mạnh khi tăng tới 75 tệ/tấn.

**Giá sắn lát Thái Lan, Việt Nam tại thị trường Trung Quốc**

	Đơn vị	Tuần này	Tuần trước	Thay đổi
Thái Lan	USD/tấn FOB	230-233	230-233	0
Việt Nam	USD/tấn FOB	230-232	230-232	
Cảng Rizhao	RMB/tấn (bao gồm VAT và phí)	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	0
Cảng Zhenjiang	RMB/tấn (bao gồm VAT và phí)	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	0



Cảng Lianyungang	RMB/tấn (bao gồm VAT và phí)	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	TL: 1700-1720 VN: 1730-1750	0
------------------	------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	---

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

### Giá ngô tại thị trường Trung Quốc

Vùng	Đơn vị	Tuần này	Tuần trước	Thay đổi
Cảng Lianyungang	RMB/tấn	2340-2380	2340-2380	0
Cảng Dalian	RMB/tấn	2350-2360	2350-2360	0
Cảng Jinzhou	RMB/tấn	2350-2360	2350-2360	0

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

### Giá mật ri tại thị trường Trung Quốc

Khu vực	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Tuần này	Tuần trước	Thay đổi
Nanning	Hàm lượng đường trên 48% Brix trên 84%	RMB/tấn	1050-1200	1050-1200	0
Liuzhou	Hàm lượng đường trên 48% Brix trên 84%	RMB/tấn	1050-1200	1050-1200	0
Zhanjiang,Guangdong	Hàm lượng đường trên 48% Brix trên 85%	RMB/tấn	1200	1200	0

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

### Giá ethanol nội địa tại Trung Quốc (tệ/tấn)

	Ethanol từ ngô	Ethanol từ sắn	Ethanol từ mật ri
Tuần này	5575	5305	5950
Tuần trước	5575	5275	5875
Thay đổi (tệ/tấn)	0	+30	+75

Thay đổi (%)	0.00	+0.57	+1.28
--------------	------	-------	-------

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

## THƯƠNG MẠI

### Xuất khẩu sản lát trong tháng 7 và tháng 8

Thống kê chính thức của Hải quan cho thấy, xuất khẩu sản lát của Việt Nam trong tháng 7 đạt gần 16.000 tấn, giảm mạnh so với con số 115 nghìn tấn của cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nếu trừ đi tàu 9.000 tấn đã kê khai vào tháng 7 nhưng tới tháng 8 mới vào lấy hàng do tàu tới trễ thì lượng xuất khẩu thực tế sản lát trong tháng 7 chỉ đạt gần 7.000 tấn.

Trong tháng 8, dựa trên những đơn hàng đăng ký thì lượng xuất khẩu sản lát tính đến ngày 13/08 đạt hơn 10.000 tấn.

Tính chung từ 1/1-13/8, xuất khẩu sản lát của Việt Nam đạt hơn 1,7 triệu tấn, tăng mạnh so với con số 1,55 triệu tấn của cả năm 2014.

### **Lượng sản lát xuất khẩu của Việt Nam theo tháng năm 2014-2015 (tấn)**

Tháng	2014	2015	Tăng/giảm
1	152,246	196,412	29.0
2	274,296	186,069	-32.2
3	254,850	427,982	67.9
4	193,657	311,522	60.9
5	80,320	264,078	228,8
6	121,782	287,782	136.3
7	115,106	15,695	-86,4
8	75,573	10,346	
9	68,144		
10	86,459		

11	66,947		
12	61,244		

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp. Số liệu tháng 8 là số liệu sơ bộ

**Lượng sản lát xuất khẩu theo thị trường năm 2015 (tấn)**

Thị trường	3	4	5	6	7	8	8T 2015
China	408,855	287,422	247,913	274,325	15,695	9,700	1,605,103
Korea (Republic)	19,127	14,900	12,000			646	58,797
Japan		9,200		12,000			21,200
Indonesia			4,165				4,165
Việt Nam						32	32
<b>Tổng</b>	<b>427,982</b>	<b>311,522</b>	<b>264,078</b>	<b>286,325</b>	<b>23,230</b>	<b>10,378</b>	<b>1,705,997</b>

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp. Số liệu tháng 7 là số liệu sơ bộ

**Lượng sản lát xuất khẩu theo cảng/cửa khẩu năm 2015 (tấn)**

Cảng	3	4	5	6	7	8	8T 2015
Cát Lái	92,819	66,808	42,557	37,475		270	341,969
Khánh Hội	25,840	26,350		47,000	5,500		190,090
Phú Hữu	25,000						52,000
Quy Nhơn	267,050	208,143	207,100	184,700	16,535	912	1,033,790
Khác	17,273	10,221	14,421	17,150	1,195	0	78,951
<b>Tổng</b>	<b>427,982</b>	<b>311,522</b>	<b>264,078</b>	<b>286,325</b>	<b>23,230</b>	<b>1,182</b>	<b>1,696,800</b>

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp. Số liệu tháng 8 là số liệu sơ bộ

**Giá trung bình sản lát xuất khẩu đi Trung Quốc từ đầu năm 2015 (USD/tấn CNF)**

Tháng	Cảng Cát Lái	Cảng Quy Nhơn
1	230	235

2	222	220
3	217	221
4	223	220
5	233	230
6	234	234
7		238
8		245

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

Tình hình xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2015

Xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam trong tháng 7/2015 quay đầu tăng trở lại khi đạt hơn 136 nghìn tấn. Trong giai đoạn từ 1/8-11/8, xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam đạt khá khi lượng xuất khẩu đã đạt 64.974 tấn. Tính chung từ 1/1-11/8 /2015, xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam đạt trên 1,3 triệu tấn, tăng khá mạnh so với cùng kì năm trước.

Đáng chú ý, lượng tinh bột sắn giao qua cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) tăng mạnh khi lượng xuất của 11 ngày đầu tháng 8 tương đương lượng xuất của cả tháng 7 với hơn 9.000 tấn. Mặc dù mới được công bố quyết định thành lập đội hải quan cửa khẩu Pò Nhùng hôm 10/8 nhưng chỉ trong 3 ngày (9, 10, 11) đã có khoảng 2.858 tấn tinh bột sắn được đăng ký xuất tại cửa khẩu này. Với lợi thế về thủ tục và quãng đường di chuyển, dự kiến lượng xuất khẩu tinh bột sắn qua cửa khẩu Pò Nhùng sẽ tăng mạnh còn lượng xuất khẩu qua cửa khẩu Hữu Nghị sẽ giảm mạnh.

**Lượng xuất khẩu tinh bột sắn của Việt Nam năm 2014-2015 (tấn)**

Tháng	2014	2015	TT 2015/2014
1	153,193	247,596	61.6
2	123,437	141,499	14.6
3	134,746	275,670	104.6
4	99,747	188,118	88.6

5	122,831	138,045	6.4
6	110,029	123,281	12.0
7	127,448	136,786	7.3
8	139,699	64,974	
9	145,190		
10	146,826		
11	202,633		
12	230,412		

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp. Số liệu tháng 8 là số liệu sơ bộ

**Lượng tinh bột sản xuất khẩu của Việt Nam theo cảng/cửa khẩu trong năm 2015 (tấn)**

Cảng/cửa khẩu	4	5	6	7	Từ 1-11/8	Tổng
<b>Tổng</b>	188,119	138,045	123,281	136,786	64,974	1,315,969
CK Móng Cái (QN)	86,124	78,295	76,411	84,541	34,466	654,119
Cảng Cát Lái (HCM)	51,248	27,371	25,893	35,178	11,277	363,122
CK Hữu Nghị (LS)	10,699	17,078	12,362	9,655	9,432	117,301
Cảng Tiên Sa (ĐN)	14,383	2,619	2,521	363		62,658
CK Na Hình (LS)	9,114	3,473	2,594	360	6,660	40,492
CK Na Nưa (LS)	14,364	6,122	448	405		32,013
Khác	2,169	3,087	3,053	6,284	3,139	46,247

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp. Số liệu tháng 8 là số liệu sơ bộ

**Lượng tinh bột sản xuất khẩu của Việt Nam theo thị trường trong năm 2015 (tấn)**

Thị trường	3	4	5	6	7	Từ 1-11/8	Tổng
<b>Tổng</b>	<b>275,670</b>	<b>188,119</b>	<b>138,045</b>	<b>123,281</b>	<b>136,786</b>	<b>64,974</b>	<b>1,315,969</b>
China	243,930	161,820	118,581	108,106	121,781	59,674	1,148,256
Singapore	8,643	4,655	2,695	504	720		36,880
Philippines	6,856	5,014	4,786	4,047	4,537	1,272	32,587
Bangladesh	4,848	4,120	3,881	1,285	2,585	160	24,703
Malaysia	2,354	4,518	1,967	3,063	1,925	418	19,608
Taiwan	3,620	1,384	3,040	1,847			17,305

India	1,482	1,846	371	663	114		5,852
Indonesia	1,095	510	1,036	824	187		5,272
Japan	73			19	504	2,546	3,179
Khác	2,768	4,252	1,689	2,924	4,433	904	22,328

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp, số liệu tháng 8 là số liệu sơ bộ

Thông tin hàng tàu tinh bột sắn cập cảng Hải Phòng trong tháng 7/2015 và tháng 8/2015

Theo tin từ mạng lưới của AgroMonitor, từ 1-16/8, có 30 tàu tinh bột sắn từ miền Nam và miền Trung cập cảng Hải Phòng, mang theo gần 50 nghìn tấn tinh bột sắn, tăng mạnh 45% so với cùng kì tháng trước. Trong đó lượng tinh bột đi từ các cảng miền Nam chiếm đa số với hơn 34.000 tấn.

**Lượng tinh bột sắn cập cảng Hải Phòng trong 8 tháng đầu năm 2015 (tấn)**

Tháng	Lượng (tấn)
T1	113,055
T2	83,562
T3	70,759
T4	81,895
T5	69,500
T6	70,590
T7	69,912
T8	49,917

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

**Tham khảo một số tàu tinh bột sắn cập cảng Hải Phòng vào đầu tháng 8/2015**

Tên tàu	Ngày cập cảng	Cảng xuất phát	Lượng (tấn)	Tháng
VIET THUAN 18	2	QUY NHON	1,870	8
THANH DAT 36- ALCI	2	SAI GON	2,000	8
HOANG GIA 46	2	SAI GON	2,100	8
QUANG HUNG 36	2	NHA TRANG	1,300	8
SON HUNG 26-ALCI	2	NHA TRANG	858	8

THANH DAT 09-ALCI	3	LONG AN	2,400	8
THANH DAT 68	3	SAI GON	2,000	8
ANH DUY 168-BIDV	4	KY HA	800	8
HIEP HUNG 89	4	SAI GON	2,200	8
HOANG GIA 45	5	SAI GON	2,100	8
XUAN TOAN 68-ALCI	6	SAI GON	2,150	8
HAI MINH 26	7	DA NANG	1,125	8
14-11-87	7	VUNG RO	1,300	8
DONG PHONG 68	8	SAI GON	2,000	8
HONG MINH 18	8	QUY NHON	900	8
DAI DUONG 88	8	CAM RANH	2,147	8
HUY AN 36	9	SAI GON	1,300	8
MINH SON 27	9	VUNG RO	700	8
THANH DAT 28	10	SAI GON	1,900	8
THAI THUY 88	10	SAI GON	2,000	8
PHU AN 168	10	NHA TRANG	1,200	8
HONG PHUC 1168	11	VUNG RO	1,100	8
HAI PHUONG 19	12	SAI GON	2,070	8
HOANG PHUONG 16	12	DA NANG	650	8
HUNG THANH 668-BLC	13	SAI GON	2,000	8
THANH CONG 09-ALCI	13	SAI GON	2,000	8
HA TRUNG 27	13	QUY NHON	1,547	8
PHUONG NAM 45	14	SAI GON	2,100	8
THANH DAT 02-BLC	15	SAI GON	2,100	8
MINH NGUYET 88	16	SAI GON	2,000	8

Nguồn: AgroMonitor Tổng hợp

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

### Việt Nam điều chỉnh tỷ giá và nới biên độ dao động tỷ giá

Trong bối cảnh đồng nhân dân tệ phá giá mạnh nhất trong 2 thập kỷ qua, gây khó khăn cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, ngày 19/08, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam và đôla Mỹ từ mức 21.673 đồng đổi một đôla lên 21.890 VND (tương đương tăng 1%), đồng thời nới biên độ tỷ giá từ +/-2% lên +/-3%. Ngay sau động thái của NHNN, tỷ giá niêm yết tại các ngân hàng thương mại cũng được điều chỉnh tăng mạnh. Tính ngày 20/8, tỷ giá niêm yết tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tăng lên mức 22.350/22.450 cho tỷ giá mua vào bán ra từ mức 22.035/22.105 của ngày 18/8. Như vậy, sau 2 lần điều chỉnh tỷ giá trong tháng 8, đồng VND đã mất khoảng 2,6% giá trị so với đồng đô la Mỹ, thu hẹp biên độ khoảng

cách với tỷ giá USD/CNY và CNY/VND. Mức chênh lệch theo tính toán của AgroMonitor chỉ còn khoảng trên dưới 0,5%.

## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong một báo cáo mới được công bố, Ngân hàng HSBC dự báo, tỷ giá USD/VND có thể điều chỉnh tăng thêm 2% vào cuối năm nay và 2% trong năm 2016. Có hai nguyên nhân chính khiến HSBC đưa ra dự báo trên: (i) Đồng nhân dân tệ có thể còn giảm giá thêm trong các tháng cuối năm; (ii) Đồng đô la Mỹ sẽ tiếp tục tăng giá so với các đồng tiền chủ chốt cho Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sớm tăng lãi suất vào cuối năm nay, gây áp lực lên tỷ giá USD/VND. Trước đó, sau khi NHNN ra quyết định tăng tỷ giá USD/VND vào ngày 19/8, Ngân hàng ANZ cũng đưa ra nhận định, nếu như chính sách tỷ giá từ nay đến cuối năm không thay đổi thì tiền VND có thể mất tối đa 5,1% giá trị, cao hơn mức 4,5% hiện nay.

Do tỷ giá có thể còn tăng trong những tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016 khi mùa cao điểm nhập khẩu cuối năm đang tới gần nên các doanh nghiệp xuất khẩu có thể sẽ thuận lợi hơn trong những tháng cuối năm. Tuy nhiên, ở một diễn biến khác, đồng VND mất giá sẽ khiến cho giá sản lát và sản củ tươi nhập từ Campuchia và Lào tăng, làm tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp xuất khẩu. Trong khi đó, yếu tố tỷ giá của Trung Quốc là khó dự đoán nên các doanh nghiệp cần đưa ra những kịch bản về tỷ giá để có những ứng xử thích hợp.